

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH TRÀ VINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH,**  
**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Sau khi nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo của các ngành chức năng, báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, bao gồm các giải pháp đã được đề ra trong báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung tổ chức thực hiện tốt một số nội dung trọng tâm như sau:

**1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục kiểm soát tốt tình hình dịch Covid-19, triển khai có hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội để vực dậy nền kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP 7,5% (có tính giá trị sản xuất nhiệt điện) và 7,75% (không tính giá trị sản xuất nhiệt điện) so với năm 2022; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng cường nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ; khai thác tốt, tiềm năng lợi thế kinh tế biển; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; phát triển văn hóa; quản lý tài nguyên hiệu quả, cải thiện cảnh quan, bảo vệ môi trường; chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy

manh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

### a) Chỉ tiêu kinh tế

(1) Phân đầu tăng trưởng GRDP đạt 7,5% (có tính giá trị sản xuất nhiệt điện); 7,75% (không tính giá trị sản xuất nhiệt điện) so với năm 2022.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 75,96 triệu đồng/người/năm, tương đương 3.274USD (có tính giá trị sản xuất nhiệt điện); đạt 62,04 triệu đồng/người/năm, tương đương 2.674USD (không tính giá trị sản xuất nhiệt điện).

(3) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và thuế sản phẩm trong GRDP chiếm 70,58% (có tính giá trị sản xuất nhiệt điện); chiếm 63,98% (không tính giá trị sản xuất nhiệt điện).

(4) Phân đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 32.000 tỷ đồng.

(5) Phát triển mới 520 doanh nghiệp.

(6) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 31,1%.

(7) Thu nội địa đạt 5.701 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 1.220 tỷ đồng.

### b) Chỉ tiêu xã hội

(8) Giữ vững 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới; có thêm 10 xã nông thôn mới nâng cao; phân đầu mỗi huyện có ít nhất 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới.

(9) Tỷ trọng lao động: trong nông nghiệp còn 44%, trong công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt 56% trong tổng lao động xã hội.

(10) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 69,3%; trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36,04%. Tạo việc làm mới cho 23.000 lao động.

(11) Tỷ lệ thất nghiệp còn 2%.

(12) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học: tiểu học đạt 100%; trung học cơ sở đạt 98,6%.

(13) Có 26,43 giường bệnh/vạn dân; 9,6 bác sĩ/vạn dân.

(14) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 94,8%.

(15) Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 0,5% (trong đồng bào dân tộc Khmer giảm 1%).

(16) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 21,72% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 4% lực lượng lao động xã hội.

(17) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 99,6%.

### c) Chỉ tiêu môi trường

(18) Có 99,3% dân cư thành thị; 99,8% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh (trong đó nước sạch 79,2%).

(19) Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý 99,35%; tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 98,3%, nông thôn đạt 78,8%; tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg được xử lý đạt 87,5%.

(20) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,1% diện tích tự nhiên.

*d) Chỉ tiêu quốc phòng - an ninh*

(21) Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

(22) Phần đầu 90% xã, phường, thị trấn và 95% cơ quan, đơn vị, nhà trường trở lên đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

(23) Có trên 98% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

**3. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**

*a) Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế*

Tập trung, dồn sức thực hiện năm cuối Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và kế hoạch 05 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

Triển khai Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025, đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại - dịch vụ; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế; phấn đấu tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 360 triệu USD trở lên. Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trọng tâm là 36 Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực gắn với thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, Chương trình số 34-CTr/TU ngày 23/8/2022 thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2020 của Bộ Chính trị. Tiếp tục triển khai Kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị.

Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 tuân thủ đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước; tập trung giao kế hoạch vốn năm 2023 và đẩy nhanh tiến độ thi công ngay từ đầu năm. Điều hành ngân sách chủ động, tích cực, phù hợp với khả năng thu ngân sách, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp. Tiếp tục huy động và cho vay phục hồi sản xuất gắn với



an toàn tín dụng, phân đầu tổng nguồn vốn hoạt động và cho vay của các tổ chức tín dụng tăng 14% so với năm 2022, duy trì nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ.

Tiếp tục sắp xếp, nâng cao tính tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; tập trung chuyển đổi 06 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần giai đoạn 2021 - 2025 theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ.

*b) Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế quan trọng; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế*

Tiếp tục thực hiện Chương trình số 13-CTr/TU ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế nông nghiệp đến năm 2025; thực hiện tốt Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, mô hình nông nghiệp 4.0, liên kết sản xuất gắn với hình thành chuỗi tiêu thụ sản phẩm; xây dựng kế hoạch sản xuất linh hoạt, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng màu, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản; phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng thủy sản; duy trì phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn; nâng chất lượng các sản phẩm OCOP (từ 03 sao lên 04 sao trở lên); phân đầu năm 2023 có thêm 30 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và thúc đẩy công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Triển khai 03 Chương trình: (1) Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; (2) Chương trình khoa học và công nghệ; (3) Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Tập trung xây dựng huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới, tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025; chú trọng thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huy động các nguồn lực đầu tư phân đầu huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, đô thị hoá đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Chăm lo phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Thường xuyên kiểm tra, đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi; đảm bảo công tác thủy lợi nội đồng. Tăng cường công tác phòng cháy rừng, đẩy mạnh phát triển rừng, trồng rừng chống sạt lở cửa sông, ven biển, rừng phòng hộ ứng phó biến đổi khí hậu, cải tạo rừng kém hiệu quả, sắp xếp lại rừng theo hướng tập trung, thuần loài kết hợp với nuôi trồng thủy sản; phân đầu tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,1% so với diện tích tự nhiên.

Tập trung hỗ trợ các dự án đầu tư sớm hoàn thành đưa vào hoạt động, nhất là 04 nhà máy điện gió, Dự án kho trung chuyển xăng dầu, nhà máy phối trộn xăng dầu sinh học, trạm chiết nạp, dự án Khu bến tổng hợp Định An, dự án Khu liên hợp sản xuất, chế biến thực phẩm trồng trọt, dự án Nhà máy sản xuất khí Hydrogen Xanh,... Tiếp tục kêu gọi đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối nông sản, đẩy

mand xã hội hóa đầu tư phát triển chợ nông thôn; xây dựng và phát triển chuỗi giá trị, nhãn hiệu, thương hiệu các sản phẩm hàng hóa của tỉnh.

Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An đến năm 2040; đẩy nhanh tiến độ thi công, đưa vào sử dụng Tuyến số 05 - Khu Kinh tế Định An; hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bàn giao đất sạch cho nhà đầu tư triển khai Khu Công nghiệp Cổ Chiên.

Tiếp tục hoàn thiện các dự án cấp điện; rà soát, kiểm tra đảm bảo an toàn điện, hạn chế mức thấp nhất sự cố lưới điện hoặc tai nạn điện trong mùa mưa bão, 100% các điểm xung yếu của hệ thống điện được gia cố, khắc phục.

Thực hiện tốt Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 01/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh đến năm 2025. Đổi mới công tác xúc tiến thương mại, triển khai hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, tổ chức các Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu và chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và quản lý tốt chất lượng các sản phẩm thế mạnh của tỉnh; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử vào quản lý, giới thiệu, quảng bá sản phẩm.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi phát triển các ngành dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, logistics, dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn, dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao và các loại dịch vụ khác phục vụ nhu cầu xã hội; phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9% so với năm 2022.

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và công khai, minh bạch thông tin, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính, phấn đấu kết quả PCI tỉnh tăng ít nhất 05 hạng. Tổ chức các hoạt động gỡ gỡ, trao đổi, lắng nghe và giải quyết thỏa đáng những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp; phát triển các loại hình doanh nghiệp cả về số lượng, quy mô và lĩnh vực hoạt động, phấn đấu phát triển mới 520 doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã và tổ hợp tác; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ hợp tác xã; nhân rộng các mô hình hợp tác xã điểm; phát triển mới ít nhất 10 HTX; trên 60% HTX hoạt động có hiệu quả.

*c) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội*

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình phát triển hạ tầng giao thông; Khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp; đô thị và công nghệ thông tin tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của xã hội, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, phấn đấu huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội 32.000 tỷ đồng.



Phối hợp với Trung ương triển khai đầu tư xây dựng Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2), Cầu Đại Ngãi nối Trà Vinh - Sóc Trăng và nâng cấp quốc lộ 54 (đoạn Tập Sơn - thành phố Trà Vinh), Quốc lộ 60 (đoạn Trà Vinh - Đại Ngãi). Đầu tư giai đoạn 2 các tuyến đường Hạ tầng thiết yếu, đường vành đai và đường tỉnh 915B; xây dựng và nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, đường huyện mới và kéo dài, đầu tư thay thế các cầu yếu gắn với công tác bảo trì nhằm đảm bảo tính đồng bộ thông suốt giữa giao thông đường bộ với đường thủy, cảng biển, các Khu, Cụm công nghiệp và Khu Kinh tế Định An.

Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, thị trấn Tiểu Cần mở rộng, thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Càng Long; phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đạt 31,1%. Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, xã hội số, kinh tế số.

*d) Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội, chăm lo an sinh, phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân*

Tập trung thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng. Quan tâm đào tạo nghề, đào tạo lao động, tuyển sinh đào tạo 20.000 lượt người; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sản giao dịch việc làm; giải quyết việc làm mới cho 23.000 lao động, phấn đấu đưa 900 lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Quản lý chặt chẽ lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

Sắp xếp, tinh gọn, đầu tư mạng lưới giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch; gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo. Quan tâm đầu tư, xây dựng Trường Cao đẳng nghề chất lượng cao; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề tư nhân. Quan tâm phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, chú trọng các hoạt động khởi nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025. Triển khai thực hiện Đề án Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến 2030. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ phát triển trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025.

Tiếp tục triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho các đối tượng đảm bảo chặt chẽ, an toàn. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe; chủ động, kịp thời phát hiện, ngăn chặn bệnh đậu mùa khi lây lan vào địa bàn tỉnh.

Xây dựng Đề án thành lập Bệnh viện điều trị Covid-19 tại cơ sở Bệnh viện Đa khoa tỉnh cũ; triển khai dự án Hệ thống thông tin Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn bệnh viện thông minh. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội; phấn đấu tỷ lệ bao phủ BHYT so với dân số đạt 94,8%.

Triển khai thực hiện tốt các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân người có công; khuyến khích xã hội hóa công tác “Đền ơn đáp nghĩa”.

Nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông, an toàn thông tin; tăng cường công tác truyền thông, thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới lồng ghép với sự phát triển kinh tế - xã hội; quan tâm chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2030.

*đ) Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về tài nguyên, môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu*

Quản lý chặt chẽ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản trên địa bàn; rà soát, nắm chắc thực trạng sử dụng đất ven biển, ven sông; quản lý chặt chẽ, xử lý nghiêm các hoạt động khai thác cát sông trái phép, lấn chiếm, sử dụng đất trái phép tại khu vực ven biển, ven sông; kiểm tra việc thi hành pháp luật tài nguyên nước; thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo yêu cầu cho phát triển kinh tế vừa bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn. Đẩy mạnh chính sách thu hút xã hội hóa công tác xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt nông thôn, xử lý nước thải tại các đô thị. Phấn đấu tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 99,35%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 98,3%, nông thôn đạt 78,8%.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao kiến thức, năng lực thích ứng và phòng chống thiên tai. Chủ động các phương án ứng phó với thiên tai, phòng, chống hạn hán và xâm nhập mặn, đảm bảo nguồn nước cho người dân sản xuất, phấn đấu giữ vững tỷ lệ dân số khu vực nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99,8%; đẩy mạnh phát triển rừng, trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó biến đổi khí hậu.

*e) Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính; phòng chống tham nhũng, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo*

Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 168-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, sự phục vụ hành chính, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2023; tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao các chỉ số PAR Index, SIPAS. Tiếp tục sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ. Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Đẩy mạnh phát triển Chính quyền số, hoàn thành đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin; nâng cấp mở rộng mạng nội bộ, diện rộng của tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin mạng phục vụ phát triển chính quyền số. Về phát triển kinh tế số, tập trung triển khai nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; tuyên truyền, vận động doanh nghiệp tham gia sử dụng các nền tảng số chuyên đổi số doanh nghiệp. Về xã hội số, hoàn thiện và đưa vào sử dụng ứng dụng Trà Vinh số (Smart Trà Vinh); tổ chức các hoạt động vận động cài đặt và sử dụng rộng rãi ứng dụng phục vụ công tác và đời sống xã hội; số hóa số hộ tịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc để kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường các biện pháp phòng chống tham nhũng. Giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng quy định các vụ việc khiếu nại tố cáo mới phát sinh ngay từ cấp cơ sở. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm để thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023.

Tăng cường công tác quản lý, phát huy vai trò của báo chí, phát thanh - truyền hình và truyền thanh cơ sở. Đẩy mạnh triển khai kế hoạch thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn 2030. Tăng cường kiểm tra, rà soát, xử lý mã độc, sự cố mất an toàn thông tin, đảm bảo an ninh thông tin.

*g) Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại*

Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả phối hợp hoạt động giữa công an, quân đội và biên phòng với cơ sở. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Trà Vinh năm 2023; diễn tập khu vực phòng thủ huyện Cầu Ngang, huyện Duyên Hải và 25% cấp xã; phần đầu trên 98% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; tổ chức “Tết Quân - Dân năm 2023”; thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu; hoàn thành Dự án cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư trên địa bàn.

Tăng cường vận động Nhân dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Tập trung đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức và tội phạm có tính chuyên nghiệp, tội phạm sử dụng công nghệ cao; kiểm chế và kéo giảm tai nạn giao thông.



Tiếp tục thực hiện Chiến lược văn hóa đối ngoại tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030. Chủ động, tích cực hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước, nhất là thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ, 04 tỉnh duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long và hội nhập quốc tế, triển khai thực hiện tốt các Hiệp định thương mại tự do.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, thông tin những nội dung cần thiết đến cử tri trong tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội; tích cực vận động mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./. *KW*

#### **Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, KH và ĐT, Tài chính;
- Ban công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT, TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, KH và ĐT, TC, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT, HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**